

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2064/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 16 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường ô tô đến các xã khó
khăn huyện Tam Nông – tuyến đường đến xã Xuân Quang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và các Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005, số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 450/TT-SHK&ĐT ngày 08/8/2007, kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Sở Giao thông Vận tải tại Văn bản số 79/SGTVT-KHKT ngày 31/01/2007;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường ô tô đến các xã khó khăn huyện Tam Nông – tuyến đường đến xã Xuân Quang với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Đường ô tô đến các xã khó khăn huyện Tam Nông – tuyến đường đến xã Xuân Quang (Tam Cường – Xuân Quang)

2. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Hà Oanh Phú Thọ

3. Địa điểm xây dựng: Huyện Tam Nông

4. Diện tích sử dụng đất: 34.143,0m²

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Khắc phục khó khăn về giao thông, tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội của các xã miền núi khó khăn.

6. Quy mô đầu tư và giải pháp xây dựng:

6.1 Quy mô đầu tư xây dựng:

- Tuyến chính: Điểm đầu tuyến tại Km2+ 233 ĐT 315 kéo dài, điểm cuối tại ngã ba Xuân Quang ĐT 315 kéo dài, tổng chiều dài: 6.515m.

- Thiết kế theo tiêu chuẩn cấp V miền núi.

- Nhánh rẽ vào Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh xã Cổ Tiết huyện Tam Nông: Điểm đầu tại Km20+480 QL 32C; điểm cuối Khu tưởng niệm, tổng chiều dài 300m, thiết kế theo tiêu chuẩn đường GTNT loại A.

- Mặt đường đá dăm láng nhựa có môđun yêu cầu $Ey/c \geq 980daN/cm^2$

- Tải trọng thiết kế mới công trình thoát nước H13 – X60

6.2 Giải pháp xây dựng:

a) *Bình đồ*: Cơ bản bám theo tuyến đề hiện có; cải tạo cục bộ một số đoạn có bình diện xấu để đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật đường cấp V miền núi.

Các nút giao thiết kế đồng mức và vuốt nối với các đường dân sinh để đảm bảo êm thuận.

b) *Trắc dọc*:

Cao độ đường đờ thiết kế trên cơ sở cao độ tim đường cũ (hạn chế đào kết cấu mặt đường cũ).

Các tiêu chuẩn kỹ thuật về độ dốc theo quy mô cấp đường

c) *Trắc ngang*:

- Đường cấp V miền núi: Chiều rộng nền đường $B_n = 6,50m$, mặt đường $B_m = 3,50m$, lề đường $B_{l\grave{e}} = 2 \times 1,50m$.

- Độ dốc ngang mặt nhựa $i = 3\%$, lề đường $i = 4\%$ nghiêng về 2 phía (trong đường cong lấy theo độ dốc siêu cao)

- Mái taluy nền đắp 1/1,5; đào 1/1 (những đoạn nền đá cứng có mái taluy 1/0,75)

- Rãnh biên thiết kế hình thang kích thước $(40+120) \times 40cm$, những đoạn có $i_d \geq 6\%$ và những đoạn có nước ngầm thiết kế rãnh dọc xây đá hộc vữa xi măng mác 100, KT $(40+120) \times 40cm$.

- Nền đường: Đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; riêng lớp đất từ đáy áo đường xuống 50cm đối với nền đường đắp, 30cm đối với nền đường đào yêu cầu đầm chặt đảm bảo $K \geq 0,95$.

d) *Kết cấu áo đường*:

Kết cấu áo đường gồm lớp mặt đường bằng đá dăm tiêu chuẩn láng nhựa 3 lớp dày 12cm, tiêu chuẩn nhựa $5kg/m^2$ trên lớp móng đá dăm tiêu chuẩn đảm bảo $Ey/c \geq 980daN/cm^2$; kết cấu gia cố lề như kết cấu mặt đường.

e) *Hệ thống thoát nước ngang đường*:

- Công thoát nước ngang đường: Các công cũ còn sử dụng được nối thêm cho đủ chiều rộng nền đường, công cũ có khẩu độ $\leq 50cm$ thay bằng công mới khẩu độ $\geq 75cm$, công thiết kế mới khẩu độ $\geq 75cm$. Đầu, thân, sân công xây đá hộc vữa XM 100#, ống công bằng BTCT 200#, tấm bản BTCT 250#.

g) *Hệ thống phòng hộ*: Lắp đặt theo điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam hiện hành, biển báo dùng biển phản quang, cột đỡ bằng thép ống, cọc tiêu dùng loại không cốt thép có KT $(18 \times 18 \times 100)cm$.

7. Tổng mức đầu tư dự án: 10.062.000.000,0 đồng
(Mười tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu đồng chẵn)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 6.843.000.000,0 đồng
- Chi phí QLDA và chi phí khác: 923.000.000,0 đồng
- Chi phí đền bù GPMB: 984.000.000,0 đồng
- Chi phí dự phòng: 1.312.000.000,0 đồng

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Nhà nước.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án:

10. Thời gian thực hiện: Năm 2007 - 2008

Điều 2. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đơn vị thiết kế, thi công: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Quyết định này thay thế Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 05/02/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ, UBND huyện Tam Nông; các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đặng Đình Vượng